

SOẠN TIẾNG ANH LỚP 10 THEO TỪNG UNIT

UNIT 3 MUSIC - LANGUAGE

I. Mục tiêu bài học

1. Aims:

By the end of this lesson, students can

- learn more vocabularies about the topic
- pronounce ending sound ending sounds /est/, /ant/, and / eit/
- write compound sentence using conjunction and use to infinitive or bare infinitive

2. Objectives:

- Vocabulary: the lexical items related to the topic “Music”.
- Structures: Compound sentence; Adjectives of attitude, conjunctions, Infinitives

II. Soạn giải tiếng Anh lớp 10 Unit 3 Language

Vocabulary

1. Use the words in the box to complete the definitions. Sử dụng các từ trong hộp để hoàn thành các định nghĩa.

Đáp án

1. talent

2. pop
3. idol
4. contest
5. fan
6. clip

Hướng dẫn dịch

- 1 - talent: một năng lực vượt trội
- 2 - pop: một thể loại âm nhạc phù hợp với các bạn trẻ, giai điệu, hòa âm sôi nổi và có sự nhấn mạnh vào tình yêu lãng mạn
- 3 - idol: người được tôn sùng, thường là mù quảng hoặc quá khích
- 3 - contest: một cuộc tranh tài mà những người tham dự được bình chọn bởi trọng tài
- 4 - fan: người hâm mộ nhiệt tình, người say mê.
- 5 - clip: một trích đoạn ngắn từ một bộ phim hay chương trình ti vi

2. Give the Vietnamese equivalents to the words from a-g. Then match each of them with the appropriate meaning. Viết nghĩa tiếng Việt tương ứng với các từ từ a đến g. Rồi nối mỗi từ với nghĩa phù hợp.

Đáp án

- a. 2; b. 3; c. 1; d. 4;

e. 6; f. 5; g. 7;

Hướng dẫn dịch

a - sự xuất hiện lần đầu của một bộ các bài nhạc thu âm lưu trữ chung với nhau trong một bìa.

b - thể hiện lên mạng Internet

c - một bài hát, thường là từ một album dài đầy đủ hoặc đĩa compact

d - đưa bài hát hoặc album có sẵn tới công chúng

e - 40 bài hát bán chạy nhất trong khoảng thời gian xác định

f - một kỷ lục được trao cho một ca sĩ hay một nhóm có album bán được ít nhất 1 triệu bản.

g - buổi trình diễn bởi một ca sĩ

3. Use these words to make sentences about the music or singers you know. Dùng những từ này để tạo thành các câu về âm nhạc hoặc ca sĩ mà bạn biết.

Gợi ý

Duc Phuc is a solo single.

Duc Phuc has just released a new pop song called "Nguoi oi nguoi o dung ve" .

4. Expand your vocabulary. Add more related words. Mở rộng vốn từ của bạn. Thêm vào những từ liên quan.

Gợi ý

Music

- Concert
- Album
- Solo
- Show
- Video clip
- Single
- Band
- Fan

Contest

- Audience
- Judge
- Award
- Winner
- Runner-up
- star

Pronunciation

1. Read again the conversation in GETTING STARTED. Circle the words that have the ending sounds /est/, /ant/, and / eit/. Đọc lại đoạn văn ở GETTING STARTED. Khoanh tròn những từ có âm cuối là /est/, /ant/, và / eit/.

Đáp án

passionate

talent

contest

2. a. Listen and repeat. Lắng nghe và lặp lại.

Bài nghe

b. Listen and write down the words you hear. Lắng nghe và viết lại những từ bạn nghe được.

commemorate | best talent | different | guest | date | test | achievement | parent

3. Can you write down one more word for each ending above? Bạn có thể viết thêm 1 từ nữa có phụ âm cuối trên?

/est/: request; best;

/ent/: development; entertainment;

/eit/: penetrate; Concentrate;

Grammar

Compound sentences

1. Match the conjunctions 'and', 'or', 'but' and 'so' with their meanings. Nối các từ nối 'và', 'hoặc', 'nhưng' và 'cho nên' với nghĩa của chúng.

Đáp án

1 - d; 2 - c; 3 - a; 4 - b;

2. Match each heading with the correct end. Nối mỗi mệnh đề đầu với kết thúc đúng.

Đáp án

1 - c; 2 - e; 3 - a; 4 - b; 5 - f; 6 - d;

Hướng dẫn dịch

1. Phòng hòa nhạc có sân khấu lớn - để có đủ chỗ cho nhiều nghệ sĩ biểu diễn cùng lúc.
2. Tại phòng vé, bạn có thể mua vé cho chương trình - hoặc bạn có thể mua chúng trực tuyến.
3. Anh ấy là một nhạc sĩ tài năng - và anh ấy đã nhận được nhiều giải thưởng quốc gia.
4. Buổi hòa nhạc thú vị ngay từ khi bắt đầu - nhưng về cuối nó trở nên nhàm chán.
5. Anh ấy được đề cử cho giải 14 Grammys - và anh ấy giành được giải ba.
6. Cô ấy là nghệ sĩ dương cầm tài năng - nhưng bố mẹ cô ấy thuyết phục cô ấy hoàn thành học ở trường thay vì bắt đầu sự nghiệp.

Infinitives

Use to-infinitives or bare infinitives (infinitives without to) to complete the following sentences. Sử dụng động từ nguyên mẫu có “to” hoặc động từ nguyên mẫu không “to” để hoàn thành các câu sau.

Đáp án

1. to sing
2. to make
3. to do
4. fall
5. ride
6. to buy

Hướng dẫn dịch

1. Một ngày anh ấy hứa sẽ hát cho cô một bài hát. Anh ấy có một giọng hát tuyệt vời!
2. Ca sĩ thiếu niên này đã đủ tuổi để có suy nghĩ riêng.
3. Không ai có thể ép buộc ca sĩ tuổi teen làm bất cứ điều gì mà mẹ cô ấy không đồng ý.
4. Màn trình diễn của anh ấy rất nhàm chán khiến tôi buồn ngủ.
5. Sáng nay nhiều fan của anh đã thấy anh ấy đi cùng bạn gái của mình trên một chiếc xe máy đắt tiền.
6. Tôi không thể quyết định mua một vé trực tuyến hay tại phòng vé.

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh [lớp 10](#) tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 10 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-10>

Bài tập Tiếng Anh lớp 10 nâng cao: <https://vndoc.com/tieng-anh-pho-thong-lop-10>

Bài tập trắc nghiệm trực tuyến môn Tiếng Anh lớp 10:

<https://vndoc.com/test/mon-tieng-anh-lop-10>

